|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/QĐ-UBND | *Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO SỐ 01**

# QUYẾT ĐỊNHBan hành Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”đối với sản phẩm cà phê Robusta

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Điều 37, 38 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số …/TTr-SKHCN ngày tháng năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2024 và thay thế Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ KH&CN;- Vụ Pháp chế-Bộ KH&CN;- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;- TT TU, TT HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- Ủy ban MTTQVN tỉnh;- LĐ VPUBND tỉnh;- Sở Tư pháp;- Như Điều 3;- UBND các xã, phường, thị trấn trong khu vực chỉ dẫn địa lý (do UBND các huyện, thị xã, thành phố sao gửi);- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đắk Lắk;- Các Phòng: TH, NC, NNMT, KT;- Lưu: VT, KGVX (HTN-30b) | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Phạm Ngọc Nghị** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# QUY CHẾQUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CÀ PHÊ ROBUSTA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND*

*ngày  tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

# Chương IQUY ĐỊNH CHUNG

# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quyền, trách nhiệm của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”; quyền, trách nhiệm của các bên liên quan quá trình sử dụng, kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robuta của tỉnh Đắk Lắk đã được Nhà nước bảo hộ (sau đây gọi là chung là chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”).

# Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” và các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến sử dụng, kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

# Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”: là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm cà phê có nguồn gốc xuất xứ từ một số khu vực địa lý của tỉnh Đắk Lắk, có danh tiếng, chất lượng đặc thù do điều kiện tự nhiên và bí quyết sản xuất của người dân quyết định. Các khu vực địa lý của tỉnh Đắk Lắk tương ứng với chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” bao gồm các xã, phường, thị trấn tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

2. Sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”: là quyền được thực hiện các hành vi gắn (in, dán, đúc, dập hoặc hình thức khác) chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” lên bao bì đựng sản phẩm cà phê, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cà phê.

3. Ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”: là văn bản công khai danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” do Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột ban hành, trong đó ghi nhận các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý, chủng loại, số lượng sản phẩm được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

4. Dấu hiệu chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”: là cụm từ “Buôn Ma Thuột” hoặc “Buon Ma Thuot”.

5. Biểu trưng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”: là hình ảnh, biểu tượng chung của chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”, được phê duyệt và ban hành tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

6. Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột: Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột được thành lập ngày 10 tháng 9 năm 2010 theo Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Hoạt động của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột. Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột chịu sự quản lý nhà nước về chuyên ngành của Sở Khoa học và Công nghệ.

# Chương IISẢN PHẨM MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”

# Điều 4. Chủng loại sản phẩm chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được sử dụng cho các sản phẩm cà phê Robusta, bao gồm:

1. Cà phê nhân.

2. Cà phê hạt rang.

3. Cà phê bột.

4. Cà phê hòa tan nguyên chất.

# Điều 5. Tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Cà phê nhân

a) Chỉ tiêu cảm quan

- Màu sắc: xanh xám, xanh lục hoặc xám lục nhạt.

- Kích thước hạt: Dài từ 10 - 11 mm, rộng từ 6 - 7 mm và dày từ 3 - 4 mm.

b) Chỉ tiêu hóa học

Hàm lượng Cafein (%): 2,0 - 2,2.

2. Cà phê hạt rang, cà phê bột

a) Chỉ tiêu cảm quan

- Màu sắc: Nâu.

- Hậu vị: Ngọt thanh, không chát.

b) Chỉ tiêu hóa học

- Hàm lượng Cafein (%): 2,02 - 2,47.

- Hàm lượng đường tổng số (%): 1,16 - 3,28.

3. Cà phê hòa tan nguyên chất

a) Chỉ tiêu cảm quan

Màu sắc: Nâu.

b) Chỉ tiêu hóa học

Hàm lượng Cafein (%): 2,02 - 3,60.

# Điều 6. Quy định về trồng, chăm sóc, thu hoạch cà phê mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Giống: Gồm các giống thuộc nhóm Robusta.

2. Tạo hình cắt cành: tạo hình cắt cành 2 lần/năm.

a) Lần 1: từ tháng 12 đến cuối tháng 1 năm sau (sau khi thu hoạch).

b) Lần 2: Từ tháng 7 đến tháng 8 (giữa mùa mưa).

3. Trồng cây chắn gió và cây che bóng

a) Trồng cây chắn gió sao cho cản được hướng gió chính trong mùa khô (gió Đông Bắc).

b) Trồng cây che bóng sao cho che được 20 - 30% ánh sáng mặt trời.

c) Trồng cây che bóng lâu năm có thể đóng vai trò như cây chắn gió.

4. Bón phân

a) Phân vô cơ: 4 lần vào các đợt: tháng 2 - 3; tháng 5 - 6; tháng 7 - 8 và tháng 9 - 10.

b) Phân hữu cơ: 1 lần vào tháng 5 - 6.

c) Bón phân cân đối, bảo đảm cây cà phê cho năng suất cao, chất lượng tốt.

5. Tưới nước mùa khô

a) Đối với cây cà phê dưới 3 năm tuổi: 20 - 25 ngày tưới 1 lần, lượng nước tưới trung bình khoảng 150 - 300 lít/cây tùy vào tuổi cây cà phê.

b) Đối với cà phê đang cho thu hoạch: cứ 20 - 25 ngày tưới 1 lần, lượng nước tưới trung bình khoảng 350 - 450 lít/cây.

6. Thu hoạch

a) Thời gian: từ tháng 10 đến tháng 01 dương lịch năm sau.

b) Thu hoạch: Thu hoạch làm nhiều đợt để chọn quả cà phê có phần vỏ chín không nhỏ hơn 2/3 diện tích mặt quả. Tỷ lệ quả chín/mẻ chế biến từ 80% trở lên.

c) Vận chuyển, bảo quản quả tươi: Quả cà phê sau khi thu hoạch phải được chuyên chở kịp thời về cơ sở chế biến, không được để quá 24 giờ. Trường hợp không vận chuyển hay không kịp chế biến, quả cà phê phải được để trên nền khô ráo, thoáng mát và không được đổ đống dày quá 40 cm.

# Điều 7. Quy định sơ chế, đóng gói và bảo quản cà phê nhân mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được sơ chế bằng các phương pháp:

1. Phương pháp chế biến khô

a) Bước 1: Loại bỏ các tạp chất (quả khô, xanh, đất, đá, cành, lá,…).

b) Bước 2: Làm khô quả cà phê: theo một trong hai phương pháp: i) phơi dưới ánh nắng trực tiếp, trên nền sân sạch hoặc trên giàn phơi, độ dày quả không quá 5 cm. Những ngày đầu cứ 3 - 4 giờ đảo 1 lần. Phơi đến khi độ ẩm nhân còn 12 - 12,5% là đạt yêu cầu; ii) sấy khô: Có thể dùng các loại thiết bị sấy để làm khô quả cà phê.

c) Bước 3: Xát quả cà phê đã được phơi khô bằng máy để tách bỏ vỏ, lấy phần nhân.

d) Bước 4: Loại bỏ tạp chất, phân loại hạt nhân cà phê.

đ) Bước 5: Đóng gói và bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời.

2. Phương pháp chế biến ướt

a) Bước 1: Rửa, loại bỏ quả cà phê khô, quả chưa chín hoặc bị sâu bệnh, cành, lá cà phê, đất, đá và các tạp chất khác lẫn trong lô cà phê.

b) Bước 2: Loại bỏ vỏ thịt quả: sử dụng máy xát vỏ để loại bỏ vỏ thịt quả ra khỏi quả cà phê.

c) Bước 3: Loại bỏ nhớt: đánh nhớt cơ học hoặc lên men.

d) Bước 4: Làm khô: làm khô bằng cách phơi tự nhiên hoặc sử dụng các thiết bị sấy, cho đến khi cà phê nhân có độ ẩm 12 - 12,5%.

đ) Bước 5: Bảo quản: Sản phẩm được đóng bao, cách ẩm, tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp.

3. Phương pháp chế biến nửa ướt

Chế biến tương tự phương pháp chế biến ướt nhưng bỏ qua giai đoạn loại bỏ nhớt.

# Điều 8. Kỹ thuật chế biến, đóng gói và bảo quản cà phê chế biến mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Cà phê hạt rang: Cà phê nhân phải được rang chín vừa, không được cháy để hạt cà phê rang giữ được mùi, vị đặc trưng của chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

2. Cà phê bột: Là cà phê được xay từ cà phê hạt rang mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”, kích thước to, nhỏ của cà phê bột tùy thuộc vào kỹ thuật và công nghệ pha chế khi sử dụng (pha máy hoặc pha phin).

3. Cà phê hòa tan nguyên chất: Được sản xuất từ cà phê bột mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

4. Cà phê chế biến mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” yêu cầu phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Đóng gói, bảo quản: Cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất được đóng gói trong các bao bì khô, sạch, chuyên dùng cho thực phẩm. Sản phẩm được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát.

# Điều 9. Quy định về việc ghi nhãn hàng hóa sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Các tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được phép sử dụng dấu hiệu, biểu trưng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đồng thời với biểu trưng riêng của tổ chức, cá nhân.

2. Dấu hiệu, biểu trưng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được sử dụng như sau:

a) Dấu hiệu “Buôn Ma Thuột” hoặc “Buon Ma Thuot” được sử dụng tùy theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân.

b) Biểu trưng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”:

- Sử dụng biểu trưng theo đúng quy định về hình ảnh, font chữ (hình dáng chữ) tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

- Được phép phóng to, thu nhỏ biểu trưng phù hợp với bao bì đóng gói nhưng không được thay đổi bố cục, tỷ lệ hoặc bất kỳ dấu hiệu nào trên biểu trưng.

- Biểu trưng phải được đặt ở mặt trước nhãn hàng hóa của sản phẩm có kích thước không nhỏ hơn kích thước biểu trưng riêng của tổ chức và cá nhân sử dụng.

- Đối với cà phê hạt rang, cà phê bột, việc gắn biểu trưng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” lên bao bì sản phẩm được phép khi đáp ứng tối thiểu 70% nguồn nguyên liệu từ cà phê có chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”, nguồn nguyên liệu cà phê còn lại phải có khả năng truy xuất về nguồn gốc.

3. Tuân thủ các quy định về ghi nhãn hàng hóa theo các quy định pháp luật hiện hành.

# Điều 10. Điều kiện để sản phẩm được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

Sản phẩm cà phê được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Sản phẩm cà phê đáp ứng các yêu cầu về đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Sản phẩm cà phê được sản xuất, chế biến bởi các tổ chức, cá nhân đã được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

3. Quả cà phê tươi dùng chế biến cà phê nhân phải được sản xuất trong phạm vi các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực địa lý được bảo hộ tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

4. Cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất phải được chế biến từ cà phê được bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

5. Sản phẩm cà phê phải được sơ chế, chế biến, đóng gói tại các cơ sở sản xuất, chế biến cà phê nằm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Sản phẩm cà phê được kiểm tra, kiểm soát theo Quy chế trong quá trình sản xuất, chế biến và có khả năng truy xuất về nguồn gốc.

# Chương IIIGHI NHẬN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ BUÔN MA THUỘT

# Điều 11. Hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

Tổ chức, cá nhân trước khi sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” gửi hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”, bao gồm:

1. Văn bản yêu cầu ghi nhận.

2. Tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất sản phẩm cà phê yêu cầu ghi nhận mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” tại khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý.

3. Tài liệu chứng minh sản phẩm cà phê yêu cầu ghi nhận đáp ứng yêu cầu về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được quy định tại Điều 5 Quy chế này.

# Điều 12. Ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột là tổ chức ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

2. Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột xem xét hồ sơ, kiểm tra và đánh giá tính xác thực của tài liệu, bao gồm cả việc tuân thủ bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý (nếu cần thiết). Nếu hồ sơ đáp ứng quy định tại Điều 11 Quy chế này thì ghi nhận thông tin tổ chức, cá nhân vào danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

# Chương IVQUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT SỬ DỤNGCHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”

# Điều 13. Quy định chung về kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”: là hoạt động về kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ việc sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” của các tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

2. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột trong quy chế này là các quy chế chuyên biệt theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, không bao gồm các hoạt động kiểm tra chuyên đề của các ngành, lĩnh vực liên quan như: an toàn thực phẩm, quản lý thị trường, hợp chuẩn, hợp quy,...

3. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát phải dựa trên Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát. Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột và các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ theo đúng Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát đã được phê duyệt.

4. Nguyên tắc kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

a) Nguyên tắc đồng thuận:Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý dựa trên sự đồng thuận của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột và các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” trên cơ sở tuân thủ hồ sơ đăng ký bảo hộ, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, chế biến và thương mại của tổ chức, cá nhân, đồng thời phải đảm bảo duy trì đặc tính đặc thù của sản phẩm.

b) Nguyên tắc công khai minh bạch:Tất cả các hoạt động kiểm tra, kiểm soát phải được thực hiện công khai, đúng quy trình được quy định; kết quả kiểm tra, kiểm soát phải được công khai, minh bạch.

c) Nguyên tắc khả thi: Tổ chức các hoạt động kiểm tra, kiểm soát phù hợp với điều kiện sản xuất, chế biến của tổ chức, cá nhân. Chấp nhận những điểm sai khác thực hành sản xuất, hồ sơ ghi chép nhưng không làm sai lệch chất lượng và nguồn gốc của sản phẩm.

d) Nguyên tắc độc lập: Các hoạt động kiểm tra, kiểm soát do tổ chức, cá nhân tự kiểm soát; kiểm tra, kiểm soát của Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột phải độc lập về tổ chức nhân sự, kinh phí triển khai thực hiện.

# Điều 14. Nội dung kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

Nội dung kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được quy định cụ thể trong Phụ lục III kèm theo Quy chế này, bao gồm:

1. Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ các quy định về về sản xuất, chế biến.

2. Kiểm tra, đánh giá về chất lượng sản phẩm cuối cùng mang chỉ dẫn địa lý trong hoạt động thương mại.

3. Kiểm tra, đánh giá việc sử dụng dấu hiệu, biểu trưng chỉ dẫn địa lý.

4. Kiểm tra, đánh giá về truy xuất nguồn gốc sản phẩm và các nội dung khác có liên quan.

# Điều 15. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

 Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột là cơ quan phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”, nội dung của Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” bao gồm:

1. Yếu tố bắt buộc trong Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý bao gồm các yêu cầu liên quan đến giống, vùng sản xuất, quy trình kỹ thuật, nguyên liệu chế biến, chất lượng sản phẩm và sử dụng nhãn hàng hóa, biểu trưng, dấu hiệu được quy định theo Điều 14 Quy chế này.

2. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát phải chi tiết về phân cấp kiểm soát, ai kiểm soát yếu tố nào và tần suất kiểm soát ở mỗi mức độ kiểm soát.

# Điều 16. Công cụ, phương pháp kiểm soát “Buôn Ma Thuột”

1. Công cụ sử dụng trong kiểm soát chỉ dẫn địa lý

a) Tài liệu kiểm soát về kỹ thuật

- Sổ nhật ký sản xuất, chế biến chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”: là sổ ghi chép tất cả các nội dung hoạt động của tổ chức, cá nhân về giống, vị trí khu vực sản xuất, hoạt động chăm sóc, thu hái, bảo quản, chế biến, đóng gói và sử dụng dấu hiệu, biểu trưng chỉ dẫn địa lý.

- Sổ nhật ký sẽ do tổ chức, cá nhân sử dụng ghi chép và theo dõi theo từng vườn, lô chế biến, cũng là tài liệu để Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột và cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý tiến hành kiểm tra và đánh giá.

- Tổ chức, cá nhân có thể lồng ghép sổ nhật ký vào các hồ sơ theo dõi quy trình sản xuất, chế biến có sẵn như: hồ sơ theo dõi VietGap, RA, Flo, ISO 22000, HACCP,…

b) Tài liệu kiểm soát về chất lượng

- Kiểm soát các chỉ tiêu lý, hóa: là phiếu kết quả phân tích chỉ tiêu lý, hóa của sản phẩm tại các tổ chức đủ điều kiện.

- Kiểm soát chất lượng nước pha: là kết quả đánh giá chất lượng nước pha của chuyên gia có bằng cấp chuyên môn, chứng chỉ hoạt động đánh giá sản phẩm phù hợp.

2. Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong kiểm soát chỉ dẫn địa lý

a) Hoạt động kiểm soát về quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến, chất lượng cảm quan, sử dụng dấu hiệu, biểu trưng, nhãn hàng hóa được thực hiện thông qua hình thức nhật ký ghi chép và quan sát thực tế.

b) Phương pháp chuyên gia được áp dụng đối với chỉ tiêu chất lượng cảm quan, phương pháp phân tích chỉ tiêu lý hóa được áp dụng đối với chỉ tiêu chất lượng lý, hóa.

# Điều 17. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

Cơ cấu tổ chức hệ thống kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được tổ chức thành hai cấp độ, cụ thể là:

1. Tự kiểm tra, kiểm soát (Kiểm tra, kiểm soát của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý): là hoạt động tự kiểm tra, đánh giá về hoạt động sử dụng chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” theo Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột phê duyệt và các quy định theo Điều 14 Quy chế này.

2. Kiểm tra, kiểm soát (Kiểm tra, kiểm soát của Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột): là hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý nhằm đảm bảo uy tín, chất lượng và nguồn gốc sản phẩm của các tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý theo hệ thống quy chế kiểm tra, kiểm soát của Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột.

# Chương VQUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”

# Điều 18. Quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Gắn dấu hiệu, biểu trưng chỉ dẫn địa lý trên bao bì cho loại sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý do mình sản xuất, chế biến, kinh doanh.

2. Được sử dụng chỉ dẫn địa lý kèm với nhãn hiệu riêng (nếu có).

3. Khai thác, sử dụng và thụ hưởng các lợi ích phát sinh từ chỉ dẫn địa lý.

4. Được tham gia các chương trình quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển chỉ dẫn địa lý trên các phương tiện truyền thông.

5. Kiến nghị, khiếu nại hành vi vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền lợi.

# Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Phải sử dụng đúng và chính xác dấu hiệu, biểu trưng chỉ dẫn địa lý được quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Chỉ sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho các loại sản phẩm cà phê được quy định tại văn bản ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý.

3. Thực hiện đầy đủ các quy định nghĩa vụ của Quy chế này và các quy định khác có liên quan nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý.

4. Không được thực hiện mọi hành vi sử dụng, hình thức sử dụng có hoặc không có chỉ dẫn địa lý làm sai lệch nhận thức hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của chỉ dẫn địa lý. Mọi hình thức đưa thông tin sai lệch về chỉ dẫn địa lý hoặc lạm dụng chỉ dẫn địa lý gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác hồ sơ, tài liệu có liên quan đến sản xuất, kinh doanh chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho các cơ quan kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

6. Thông báo cho Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột để được ghi nhận vào danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý trước khi sử dụng chỉ dẫn địa lý.

7. Hằng năm báo cáo tình hình sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đến Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột theo Quy chế này.

8. Đóng góp kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định tại Điều lệ Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột.

# Chương VIQUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”

# Điều 20. Quyền của Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột

1. Ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

2. Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

3. Tổ chức bộ máy, quy định và tổ chức triển khai về hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

4. Đề xuất chính sách phát triển chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

5. Quyết định các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” tại Quy chế này.

6. Khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền, bảo vệ sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” không bị lạm dụng và sử dụng trái phép trên thị trường.

7. Được thu kinh phí kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở đồng thuận của các thành viên trong Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột.

# Điều 21. Trách nhiệm của Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột

1. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” trên địa bàn thực hiện Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để quảng bá, giới thiệu nhằm phát triển thị trường chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

3. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” theo Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

4.Thường xuyên cập nhật thông tin danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” trên Cổng thông tin điện tử của Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột; quản lý và tổ chức cung cấp thông tin về chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” nhằm minh bạch hóa thông tin và đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng, uy tín của chỉ dẫn địa lý.

5. Báo cáo Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, về tình hình quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” định kỳ hai năm một lần.

6. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) về tình hình quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” định kỳ hàng năm.

# Chương VIIKINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”

# Điều 22. Kinh phí cho hoạt động quản lý sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Kinh phí phục vụ hoạt động quản lý và tổ chức kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được bố trí từ ngân sách tỉnh theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước và các nguồn đóng góp, nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Quy chế này.

3. Việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí cho hoạt động quản lý sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

# Chương VIIIKHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

# Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, đấu tranh chống các hành vi xâm phạm quyền chỉ dẫn địa lý, gây suy thoái môi trường, điều kiện tự nhiên khu vực chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột sẽ đề nghị các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định hiện hành của pháp luật.

# Điều 24. Hành vi vi phạm về chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

Hành vi vi phạm đối với chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” là một trong những hành vi sau:

1. Không tuân thủ quy trình kỹ thuật quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Sản phẩm của tổ chức, cá nhân không đáp ứng điều kiện để sản phẩm được sử dụng chỉ dẫn địa lý.

3. Sản phẩm của tổ chức, cá nhân không tuân thủ các quy định về kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý.

4. Sử dụng các dấu hiệu, biểu trưng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” không đúng Quy chế này.

5. Tổ chức, cá nhân được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý không báo cáo tình hình sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” hàng năm đến Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột.

6. Chuyển giao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Tổ chức có tư cách pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản.

8. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hành vi nghiêm trọng khác có liên quan.

# Điều 25. Xử lý vi phạm về chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

1. Hình thức xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc sử dụng chỉ dẫn địa lý bao gồm: nhắc nhở, tạm dừng, xóa tên khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

2. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột sẽ đưa ra các hình thức xử lý hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý cụ thể theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân bị xóa tên khỏi danh sách ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” thì chỉ được ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột sau 24 tháng kể từ ngày bị xóa tên.

# Chương IXTỔ CHỨC THỰC HIỆN

# Điều 26. Quy định chuyển tiếp

1. Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột lập và công khai danh sách tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột” trên cơ sở văn bản trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đã trao cho các tổ chức, cá nhân còn thời hạn.

2. Tổ chức, cá nhân đã đề nghị trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực mà vẫn chưa được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” thì phải thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

# Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan, Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

# Phụ lục IDANH SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC KHU VỰC ĐỊA LÝ TƯƠNG ỨNG VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND*

*ngày  tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên huyện, thị xã, thành phố** | **Tên xã, phường, thị trấn** |
| 1 | **Thành phố****Buôn Ma Thuột** | ***10 phường:***Ea Tam, Tân An, Tân Hòa, Tân Lập, Tân Thành, Tân Tiến, Thành Công, Thắng Lợi, Thống Nhất, Tự An.***06 xã:***Cư Êbur, Ea Kao, Ea Tu, Hòa Khánh, Hòa Thắng, Hòa Thuận, |
| 2 | **Thị xã Buôn Hồ** | ***02 phường:*** Đoàn Kết, Thống Nhất.***05 xã:***Bình Thuận, Cư Bao, Ea Blang, Ea Drông, Ea Siên. |
| 3 | **Huyện Buôn Đôn** | ***02 xã:*** Ea Bar, Ea Nuôl.  |
| 4 | **Huyện Cư Kuin** | ***06 xã:***Cư ÊWi, Ea Bhôk, Ea Hu, Ea Ktur, Ea Tiêu, Hòa Hiệp. |
| 5 | **Huyện** **Cư M’gar** | ***02 thị trấn:***Ea Pôk, Quảng Phú.***11 xã:***Cuôr Đăng, Cư Dliê M’nông, Cư M’gar, Cư Suê, Ea Drơng, Ea Hđing, Ea Kiết, Ea Kpam, Ea MDroh, Ea Tar, Ea Tul.  |
| 6 | **Huyện** **Ea H’leo** | ***09 xã:*** Cư Mốt, Dliê Yang, Ea H’leo, Ea Hiao, Ea Khăl, Ea Nam, Ea Ral, Ea Sol, Ea Wy. |
| 7 | **Huyện Krông Ana** | ***01 thị trấn:***Buôn Trấp***03 xã:*** Dur Kmăl, Ea Bông, Ea Na. |
| 8 | **Huyện Krông Búk** | ***03 xã:***Cư Né, Cư Pơng, Pơng Drang. |
| 9 | **Huyện Krông Năng** | ***03 xã:***Dliê Ya, Ea Hồ, Ea Tóh. |
| 10 | **Huyện Krông Pắc** | ***01 thị trấn:***Phước An***13 xã:*** Ea Hiu, Ea Kênh, Ea Knuếc, Ea Kuăng, Ea Phê, Ea Uy, Ea Yông, Hòa An, Hòa Đông, Hòa Tiến, Tân Tiến, Vụ Bổn, Ea Kly. |

# Phụ lục IIBIỂU TRƯNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND*

*ngày  tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

# Phụ lục IIIQUY ĐỊNH VỀ CÁC YẾU TỐ BẮT BUỘC TRONG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT”

 *(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND*

*ngày  tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

| **Yếu tố phải kiểm soát** | **Tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”** | **Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột** |
| --- | --- | --- |
| **1. Giống** |  |  |
| **-** Cà phê Robusta (vối) | x | x |
| **2. Khu vực địa lý** |  |  |
| - Vị trí sản xuất | x | x |
| **3. Quy trình chăm sóc** |  |  |
| **-** Che bóng | x | x |
| - Bón phân | x | x |
| - Phòng trừ sâu bệnh hại | x |  |
| - Tỷ lệ quả chín khi thu hái | x | x |
| - Hồ sơ ghi chép canh tác | x | x |
| **4. Quy định về sơ chế, bảo quản** |  |  |
| - Kỹ thuật loại bỏ tạp chất | x | x |
| - Kỹ thuật về loại bỏ thịt quả | x | x |
| - Quy định về lên men | x | x |
| - Rửa cà phê | x | x |
| - Kỹ thuật phơi, sấy khô | x | x |
| - Hình thức bảo quản | x | x |
| - Hồ sơ ghi chép sơ chế | x | x |
| **5. Kỹ thuật chế biến** |  |  |
| - Công nghệ chế biến | x | x |
| - Nguồn gốc nguyên liệu | x | x |
| - Hình thức bao gói | x | x |
| - Hồ sơ ghi chép chế biến | x | x |
| **6. Chất lượng sản phẩm** |  |  |
| **a) Cà phê nhân** |  |  |
| - Vật lý | x | x |
| - Thử nếm | x | x |
| **b) Cà phê hạt rang, cà phê bột** |  |  |
| - Vật lý | x | x |
| - Thử nếm | x | x |
| **c) Cà phê hòa tan nguyên chất** |  |  |
| - Vật lý | x | x |
| - Thử nếm | x | x |
| **7. Sử dụng dấu hiệu, biểu trưng chỉ dẫn địa lý** |  |  |
| - Dấu hiệu “Buôn Ma Thuột” hoặc “Buon Ma Thuot” | x | x |
| - Biểu trưng chỉ dẫn địa lý | x | x |

- Dấu (x) là phải tổ chức kiểm soát.

**MỤC LỤC**

[QUYẾT ĐỊNH Ban hành Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta 1](#_Toc172183917)

[QUY CHẾ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CÀ PHÊ ROBUSTA 1](#_Toc172183918)

[Chương I QUY ĐỊNH CHUNG 1](#_Toc172183919)

[Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1](#_Toc172183920)

[Điều 2. Đối tượng áp dụng 1](#_Toc172183921)

[Điều 3. Giải thích từ ngữ 1](#_Toc172183922)

[Chương II SẢN PHẨM MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” 2](#_Toc172183923)

[Điều 4. Chủng loại sản phẩm chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 2](#_Toc172183924)

[Điều 5. Tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 2](#_Toc172183925)

[Điều 6. Quy định về trồng, chăm sóc, thu hoạch cà phê mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 3](#_Toc172183926)

[Điều 7. Quy định sơ chế, đóng gói và bảo quản cà phê nhân mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 4](#_Toc172183927)

[Điều 8. Kỹ thuật chế biến, đóng gói và bảo quản cà phê chế biến mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 4](#_Toc172183928)

[Điều 9. Quy định về việc ghi nhãn hàng hóa sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 5](#_Toc172183929)

[Điều 10. Điều kiện để sản phẩm được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 5](#_Toc172183930)

[Chương III GHI NHẬN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ BUÔN MA THUỘT 6](#_Toc172183931)

[Điều 11. Hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 6](#_Toc172183932)

[Điều 12. Ghi nhận sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 6](#_Toc172183933)

[Chương IV QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” 6](#_Toc172183934)

[Điều 13. Quy định chung về kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 6](#_Toc172183935)

[Điều 14. Nội dung kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 7](#_Toc172183936)

[Điều 15. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 7](#_Toc172183937)

[Điều 16. Công cụ, phương pháp kiểm soát “Buôn Ma Thuột” 8](#_Toc172183938)

[Điều 17. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 8](#_Toc172183939)

[Chương V QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” 9](#_Toc172183940)

[Điều 18. Quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 9](#_Toc172183941)

[Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 9](#_Toc172183942)

[Chương VI QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” 10](#_Toc172183943)

[Điều 20. Quyền của Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột 10](#_Toc172183944)

[Điều 21. Trách nhiệm của Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột 10](#_Toc172183945)

[Chương VII KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” 11](#_Toc172183946)

[Điều 22. Kinh phí cho hoạt động quản lý sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 11](#_Toc172183947)

[Chương VIII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM 11](#_Toc172183948)

[Điều 23. Khen thưởng 11](#_Toc172183949)

[Điều 24. Hành vi vi phạm về chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 11](#_Toc172183950)

[Điều 25. Xử lý vi phạm về chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” 12](#_Toc172183951)

[Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN 12](#_Toc172183952)

[Điều 26. Quy định chuyển tiếp 12](#_Toc172183953)

[Điều 27. Điều khoản thi hành 12](#_Toc172183954)

[Phụ lục I DANH SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC KHU VỰC ĐỊA LÝ TƯƠNG ỨNG VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” 14](#_Toc172183955)

[Phụ lục II BIỂU TRƯNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” 15](#_Toc172183956)

[Phụ lục III QUY ĐỊNH VỀ CÁC YẾU TỐ BẮT BUỘC TRONG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “BUÔN MA THUỘT” 16](#_Toc172183957)